CTCP Thuỷ Điện Miền Nam

FireAnt

Ngày 31/03/2024	33,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**12.9%**	**22.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,124 - 33,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,385
Số lượng CPLH (CP)	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,530
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.12
EPS	2,506
P/E	13.3

DT thuần
Q1/24
56.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼134| -70.4%
YoY: ▼27.1| -32.3%

LN trước thuế
Q1/24
-6.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼95.4| -107%
YoY: ▼23.4| -137%

LN sau thuế
Q1/24
-6.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.6| -108%
YoY: ▼21.6| -141%

ROA
2023
16.6%
+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần
2023
661
tỷ VNĐ
YoY: ▼85.0| -11.4%

LN trước thuế
2023
306
tỷ VNĐ
YoY: ▼61.0| -16.6%

LN sau thuế
2023
275
tỷ VNĐ
YoY: ▼46.0| -14.3%

ROE
2023
19.6%
+/- YoY: ▼ 3.4%

Cơ cấu sở hữu

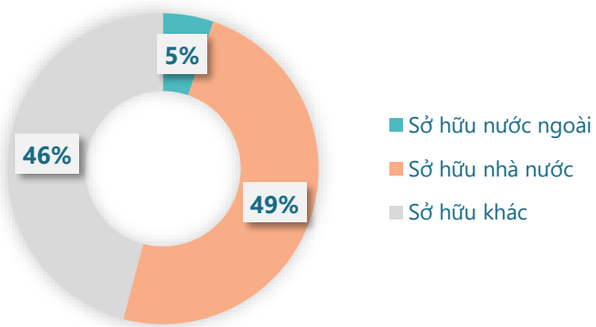

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

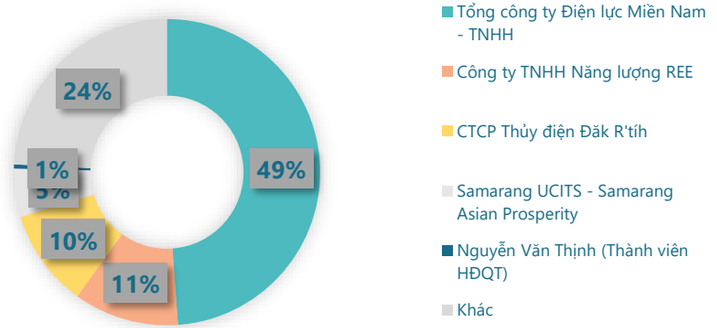

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

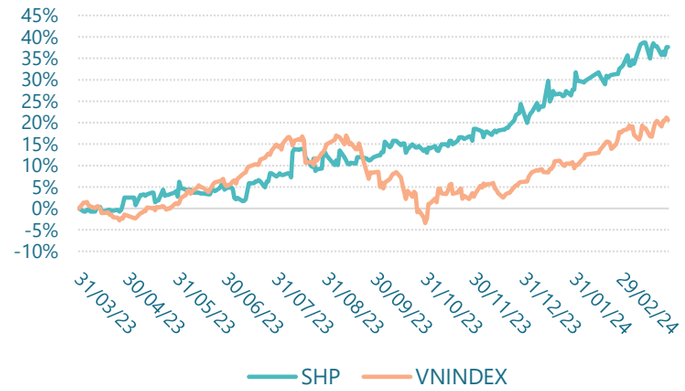

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam

FireAnt

Kết quả kinh doanh

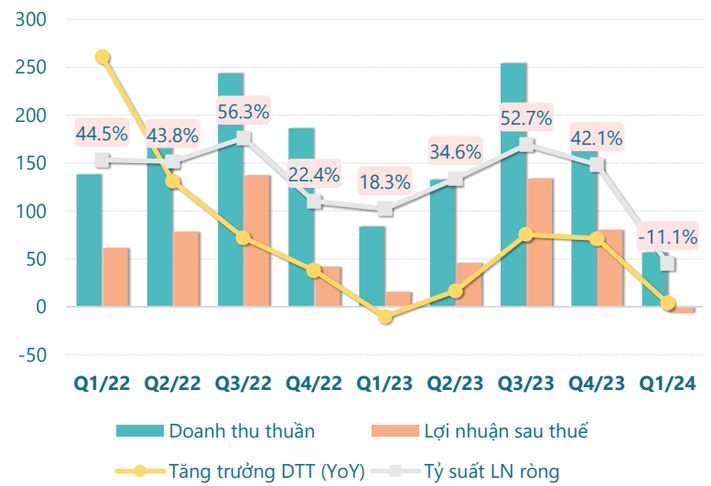

(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế

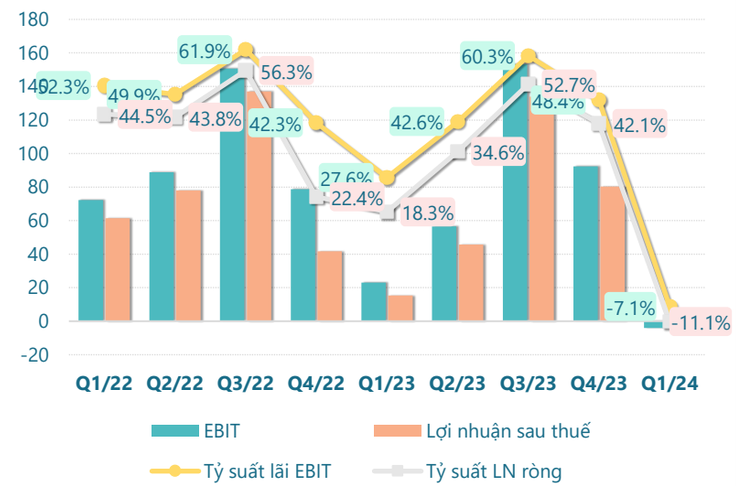

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

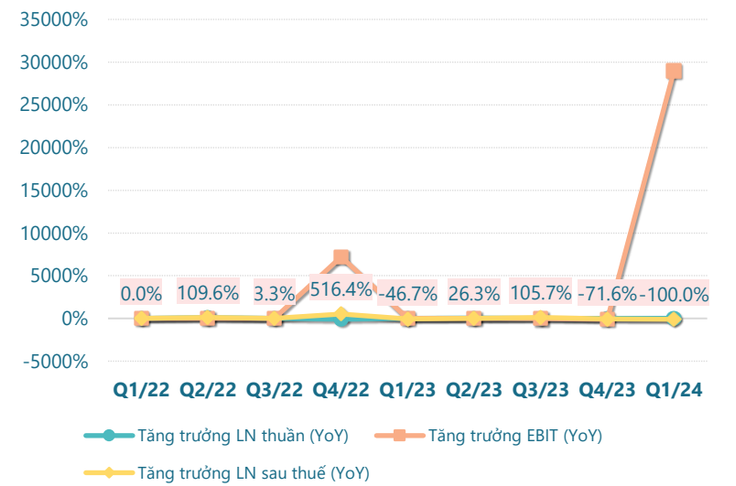

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận

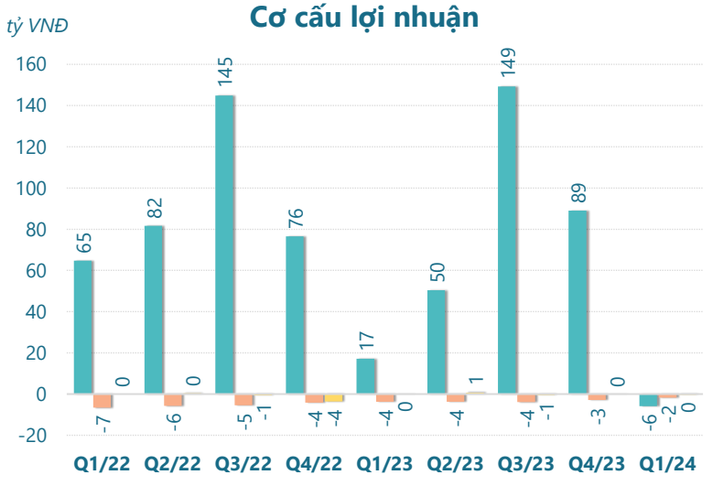

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí

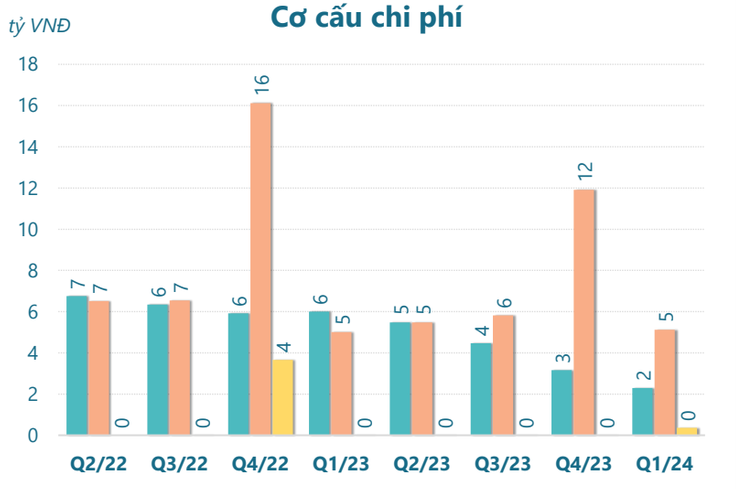

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

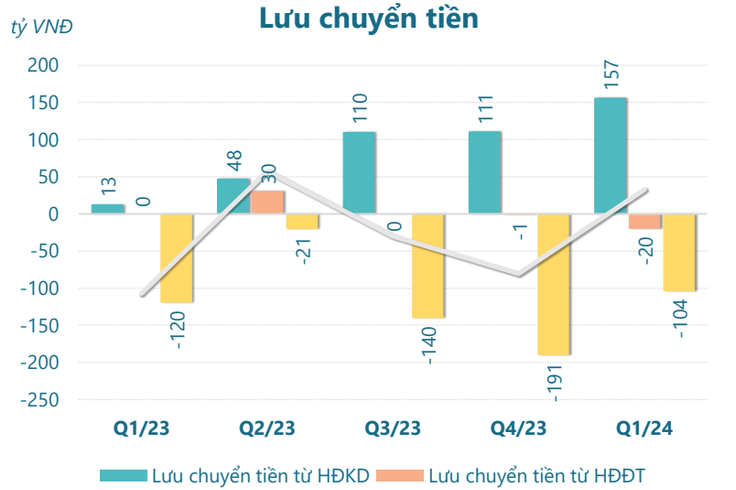

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam

FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận

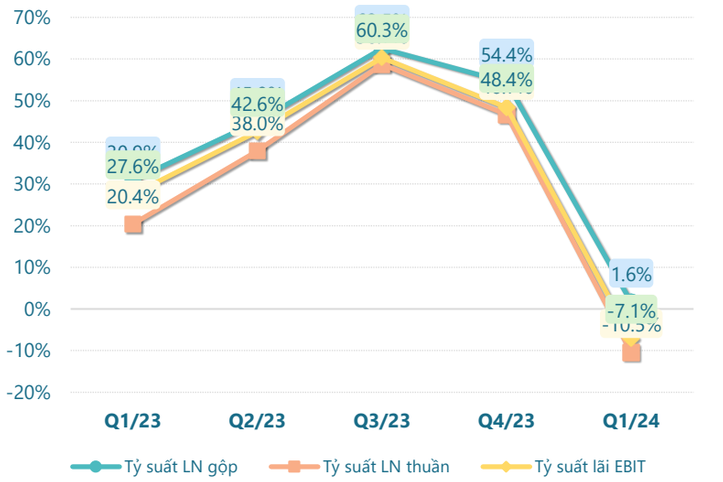

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

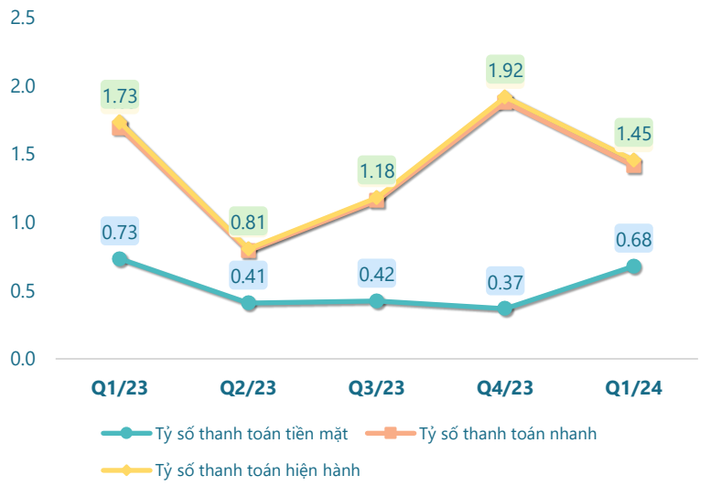

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

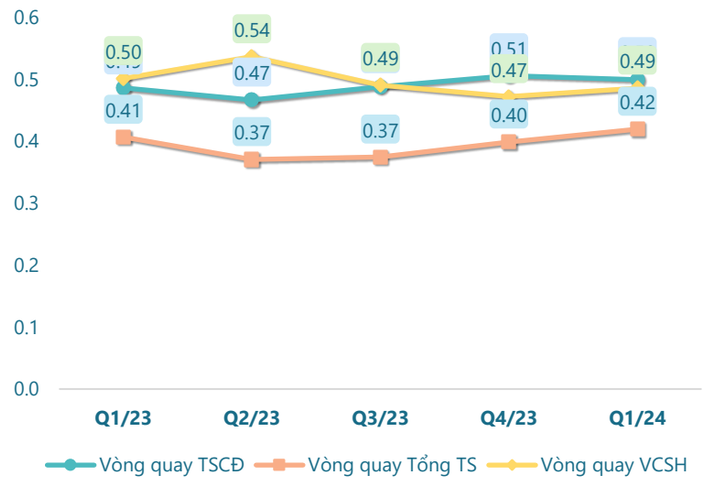

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

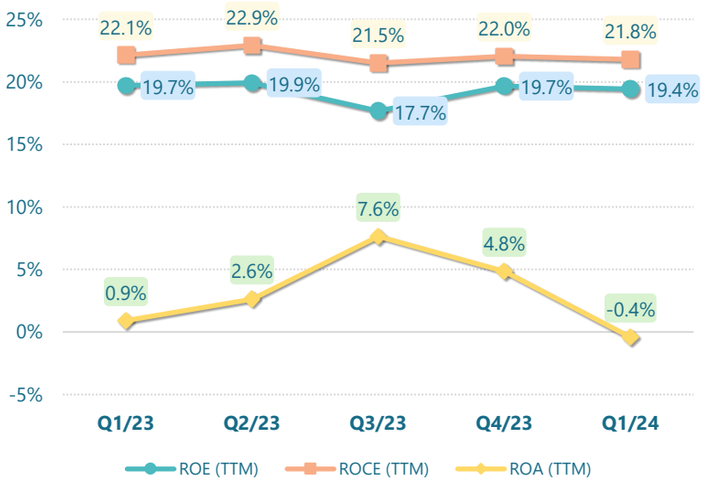

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

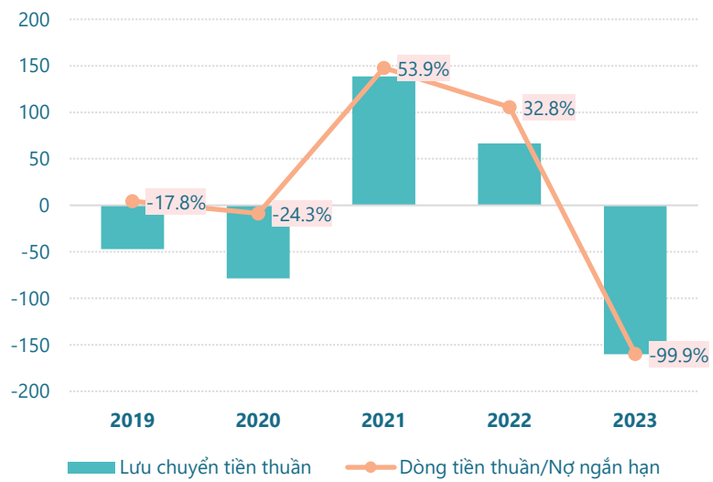

(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá

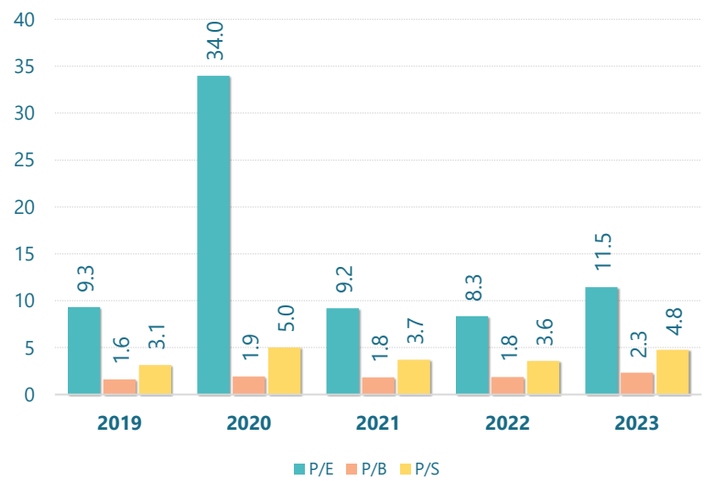

(Nguồn: fireant.vn)